

Số: 173/2024/QĐST – HNGĐ

K, ngày 23 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn N, Sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: chị Hoàng Thị M, Sinh năm 1993; Nơi cư trú: Thôn H, xã B, huyện K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc H quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn N và chị Hoàng Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 *Về con chung vợ chồng:* Anh Nguyễn N và chị Hoàng Thị M có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Hà M, sinh ngày 07/9/2018. Sau khi ly hôn, chị Hoàng Thị M được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc Nguyễn Hoàng Hà M; anh Nguyễn N cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị M hàng tháng mức là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 5 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có yêu cầu khác.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2 *Về tài sản chung vợ chồng:* Anh Nguyễn N và chị Hoàng Thị M thống nhất thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

2.3 Về án phí: Anh Nguyễn N tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số BLTU/23/0004056 ngày 11/4/2024 tại chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã B (Số 07/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Bùi Quang Trung**